

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công khai điều chỉnh quỹ lương và các khoản theo lương năm 2024; Điều chỉnh dự toán thu, điều chỉnh phân bổ dự toán chi lương và các khoản theo lương, phân bổ kinh phí chi hoạt động thường xuyên khối trường học năm 2024.

TRƯỜNG TH&THCS SÔNG KHOAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định về việc công khai điều chỉnh kinh phí chế độ chính sách cho học sinh năm 2024;

Căn cứ Quyết định công khai điều chỉnh quỹ lương và các khoản theo lương năm 2024;

Căn cứ Quyết định điều chỉnh dự toán thu, điều chỉnh phân bổ dự toán chi lương và các khoản theo lương, phân bổ kinh phí chi hoạt động thường xuyên khối trường học năm 2024;

Căn cứ biên bản họp hội đồng về điều chỉnh quỹ lương và các khoản theo lương năm 2024; điều chỉnh phân bổ dự toán chi lương và các khoản theo lương, phân bổ kinh phí chi hoạt động thường xuyên khối trường học năm 2024.

Xét đề nghị của bộ phận tài chính của trường TH&THCS Sông Khoai.

QUYẾT ĐỊNH:

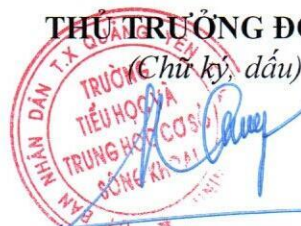
Điều 1. Công bố công khai về việc điều chỉnh quỹ lương và các khoản theo lương năm 2024 (kèm theo Quyết định số 856/QĐ-PGDĐT ngày 12/12/2024); điều chỉnh phân bổ dự toán chi lương và các khoản theo lương, phân bổ kinh phí chi hoạt động thường xuyên khối trường học năm 2024 (kèm theo Quyết định số 866/QĐ-PGDĐT ngày 18/12/2024).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán, thủ quỹ và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- Bộ phận kế toán
- Lưu :VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)


Nguyễn Thành Hưng

Số: 856/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh quỹ lương và các khoản theo lương năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-PGDĐT ngày 29/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc điều chỉnh quỹ lương và các khoản theo lương năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh quỹ lương và các khoản theo lương năm 2024 của các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm: 1.300.250.000 đồng (Một tỷ, ba trăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn), do điều động viên chức.

2. Điều chỉnh tăng: 1.300.250.000 đồng (Một tỷ, ba trăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn), do điều động viên chức và nâng lương thường xuyên đối với viên chức.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01, 02 đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí tự chủ.

Điều 2. Giao các trường học tổ chức sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thúy

Phụ lục số 01

ĐIỀU CHỈNH QUỸ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 856/QĐ-PGDĐT ngày 12/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG					1.097.810.000	1.097.810.000
I	Khối Mầm non					174.540.000	192.100.000
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	13		2.580.000
2	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	13		92.840.000
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	13	36.170.000	
4	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	13		22.090.000
5	Trường Mầm non Phong Cốc	1105745	622	071	13		12.540.000
6	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	13	5.730.000	
7	Trường Mầm non Tiền An	1105738	622	071	13		42.790.000
8	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	13		19.260.000
9	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	13	1.380.000	
10	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	13	16.340.000	
11	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	13	11.870.000	
12	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	13	46.930.000	
13	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	13	18.420.000	
14	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	13	31.940.000	
15	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	13	5.760.000	
II	Khối Tiểu học					414.730.000	250.930.000
1	Trường Tiểu học Hà An	1026585	622	072	13	90.470.000	
2	Trường Tiểu học Ngô Quyền	1025848	622	072	13	21.090.000	
3	Trường Tiểu học Sông Khoai 1	1027579	622	072	13	78.330.000	
4	Trường Tiểu học Hiệp Hòa	1025852	622	072	13	46.170.000	
5	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	1025844	622	072	13		85.750.000
6	Trường Tiểu học Nam Hòa	1026586	622	072	13	34.300.000	
7	Trường Tiểu học Tiền An	1025847	622	072	13		23.310.000
8	Trường Tiểu học Tân An	1025845	622	072	13		63.150.000
9	Trường Tiểu học Đông Mai	1026581	622	072	13	142.200.000	
10	Trường Tiểu học Phong Hải	1025851	622	072	13		38.030.000
11	Trường Tiểu học Yên Hải	1026584	622	072	13	2.170.000	
12	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuần	1026579	622	072	13		40.690.000
III	Khối Trung học cơ sở					329.690.000	563.710.000
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	13	32.330.000	
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	13		20.620.000
3	Trường THCS Tiền An	1025843	622	073	13	31.250.000	
4	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	13	15.560.000	

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng
5	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	13		44.890.000
6	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	13	21.570.000	
7	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	13	136.150.000	
8	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	13		33.280.000
9	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	13		188.190.000
10	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	13		134.170.000
11	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	13		131.150.000
12	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	13		11.410.000
13	Trường THCS Tân An	1027591	622	073	13	92.830.000	
14	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	13		
IV	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					178.850.000	91.070.000
1	Trường TH&THCS Tiền Phong						
	Tiểu học	1027578	622	072	13		66.070.000
	Trung học cơ sở	1027578	622	073	13	70.370.000	
2	Trường TH&THCS Cẩm La						
	Trung học cơ sở	1130336	622	073	13	1.420.000	
3	Trường TH&THCS Sông Khoai						
	Trung học cơ sở	1130337	622	073	13		530.000
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân						
	Trung học cơ sở	1131212	622	073	13	107.060.000	
5	Trường TH&THCS Phong Cốc						
	Tiểu học	1133723	622	072	13		1.000.000
	Trung học cơ sở	1133723	622	073	13		23.470.000

Phụ lục số 02

ĐIỀU CHỈNH QUỸ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 856/QĐ-PGDĐT ngày 12/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG					202.440.000	202.440.000
I	Khối Tiểu học					202.440.000	0
1	Trường Tiểu học Liên Vị	1026583	622	072	13	128.990.000	
2	Trường Tiểu học Hà An	1026585	622	072	13	73.450.000	
II	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					0	202.440.000
1	Trường TH&THCS Tiền Phong						
	Tiểu học	1027578	622	072	13		18.100.000
	Trung học cơ sở	1027578	622	073	13		9.480.000
2	Trường TH&THCS Cẩm La						
	Tiểu học	1130336	622	072	13		22.440.000
	Trung học cơ sở	1130336	622	073	13		5.640.000
3	Trường TH&THCS Sông Khoai						
	Tiểu học	1130337	622	072	13		28.000.000
	Trung học cơ sở	1130337	622	073	13		11.360.000
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân						
	Tiểu học	1131212	622	072	13		23.000.000
	Trung học cơ sở	1131212	622	073	13		11.350.000
5	Trường TH&THCS Phong Cốc						
	Tiểu học	1133723	622	072	13		33.950.000
	Trung học cơ sở	1133723	622	073	13		39.120.000

Số: 866/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 18 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán thu; điều chỉnh phân bổ dự toán chi lương và các khoản theo lương; phân bổ kinh phí chi hoạt động thường xuyên khối trường học năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1105-QĐ/TU ngày 30/8/2024 của Ban Thường vụ Thị ủy về việc điều chỉnh, giao bổ sung số người làm việc, hợp đồng lao động cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân thị xã (cấp Mầm non, Tiểu học, THCS) năm 2024;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã: Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024; Quyết định số 7124/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 về việc điều chỉnh dự toán thu và phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2024 của các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã do giảm học phí theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ; Quyết định số 7962/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 đối với các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-PGDĐT ngày 29/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc điều chỉnh dự toán thu; điều chỉnh phân bổ dự toán chi lương và các khoản theo lương; phân bổ kinh phí chi hoạt động thường xuyên năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán thu; điều chỉnh phân bổ dự toán chi lương và các khoản theo lương; phân bổ kinh phí chi hoạt động thường xuyên năm 2024 của các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán thu học phí để lại cân đối chi thường xuyên đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở năm 2024: 9.999.470.000 đồng.

Lý do điều chỉnh: Do mức thu học phí của học kỳ I năm học 2024-2025 giảm so với dự toán giao đầu năm (do giảm học phí theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ và Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Điều chỉnh giảm phân bổ dự toán chi lương và các khoản theo lương đối với các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở năm 2024: 1.547.748.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)

Lý do điều chỉnh: Do giảm 47 biên chế hưởng lương từ nguồn thu theo Quyết định số 1105-QĐ/TU ngày 30/8/2024 của Ban Thường vụ Thị ủy.

3. Bổ sung kinh phí chi hoạt động thường xuyên đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở năm 2024: 8.451.722.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

Điều 2. Giao các trường học chịu trách nhiệm về tính chính xác của dự toán thu tại đơn vị; tổ chức sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thúy

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 866/QĐ-PGDĐT ngày 18/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Trong đó	
								Tăng lương và các khoản theo lương	Tăng kinh phí chi hoạt động thường xuyên
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10
	TỔNG CỘNG					2.442.744.000	2.442.744.000	894.996.000	1.547.748.000
I	Khối Mầm non					200.280.000	2.282.109.000	734.361.000	1.547.748.000
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	13		381.976.000	166.901.000	215.075.000
2	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	13		340.310.000	66.760.000	273.550.000
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	13	66.760.000	43.500.000		43.500.000
4	Trường Mầm non Minh Thành	1105730	622	071	13		394.590.000	100.140.000	294.450.000
5	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	13		74.550.000		74.550.000
6	Trường Mầm non Phong Cốc	1105745	622	071	13	33.380.000	293.325.000		293.325.000
7	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	13	66.760.000	353.298.000		353.298.000
8	Trường Mầm non Tiên An	1105738	622	071	13		33.380.000	33.380.000	
9	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	13		66.760.000	66.760.000	
10	Trường Mầm non Đông Mai	1105740	622	071	13		100.140.000	100.140.000	
11	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	13	33.380.000	0		
12	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	13		33.380.000	33.380.000	
13	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	13		33.380.000	33.380.000	
14	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	13		100.140.000	100.140.000	
15	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	13		33.380.000	33.380.000	
II	Khối Tiểu học					1.134.921.000	0	0	0
1	Trường Tiểu học Liên Vị	1026583	622	072	13	200.281.000	0		
2	Trường Tiểu học Hà An	1026585	622	072	13	100.140.000	0		
3	Trường Tiểu học Ngô Quyền	1025848	622	072	13	33.380.000	0		
4	Trường Tiểu học Sông Khoai 1	1027579	622	072	13	133.520.000	0		
5	Trường Tiểu học Liên Hòa	1026582	622	072	13	100.140.000	0		
6	Trường Tiểu học Minh Thành	1025853	622	072	13	66.760.000	0		
7	Trường Tiểu học Hiệp Hòa	1025852	622	072	13	100.140.000	0		
8	Trường Tiểu học Nam Hòa	1026586	622	072	13	33.380.000	0		
9	Trường Tiểu học Đông Mai	1026581	622	072	13	100.140.000	0		
10	Trường Tiểu học Phong Hải	1025851	622	072	13	100.140.000	0		
11	Trường Tiểu học Yên Hải	1026584	622	072	13	66.760.000	0		
12	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuận	1026579	622	072	13	100.140.000	0		
III	Khối Trung học cơ sở					581.887.000	129.308.000	129.308.000	0
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	13	32.327.000	0		
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	13	32.327.000	0		
3	Trường THCS Tiên An	1025843	622	073	13	64.654.000	0		
4	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	13	32.327.000	0		
5	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	13	64.654.000	0		
6	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	13		32.327.000	32.327.000	
7	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	13		32.327.000	32.327.000	
8	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	13	64.654.000	0		
9	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	13		64.654.000	64.654.000	

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Trong đó	
								Tăng lương và các khoản theo lương	Tăng kinh phí chi hoạt động thường xuyên
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10
10	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	13	258.617.000	0		
11	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	13	32.327.000	0		
IV	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					525.656.000	31.327.000	31.327.000	0
1	Trường TH&THCS Tiền Phong								
	Tiểu học	1027578	622	072	13	66.760.000	0		
	Trung học cơ sở	1027578	622	073	13	64.654.000	0		
2	Trường TH&THCS Cẩm La								
	Tiểu học	1130336	622	072	13	66.760.000	0		
	Trung học cơ sở	1130336	622	073	13	32.327.000	0		
3	Trường TH&THCS Sông Khoai								
	Trung học cơ sở	1130337	622	073	13	32.327.000	0		
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân								
	Tiểu học	1131212	622	072	13	66.760.000	0		
	Trung học cơ sở	1131212	622	073	13	129.308.000	0		
5	Trường TH&THCS Phong Cốc								
	Tiểu học	1133723	622	072	13	66.760.000	0		
	Trung học cơ sở	1133723	622	073	13		31.327.000	31.327.000	

Phụ lục số 03

TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 866/QĐ-PGDĐT ngày 18/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG					8.451.722.000
I	Khối Mầm non					2.199.752.000
1	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	13	32.977.000
2	Trường Mầm non Tiên An	1105738	622	071	13	137.800.000
3	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	13	125.650.000
4	Trường Mầm non Đông Mai	1105740	622	071	13	244.425.000
5	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	13	65.600.000
6	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	13	119.450.000
7	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	13	69.800.000
8	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	13	233.750.000
9	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	13	135.000.000
10	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	13	245.200.000
11	Trường Mầm non Tiên Phong	1105748	622	071	13	26.250.000
12	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	13	237.625.000
13	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	13	526.225.000
II	Khối Trung học cơ sở					5.678.470.000
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	13	572.580.000
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	13	390.940.000
3	Trường THCS Tiên An	1025843	622	073	13	149.560.000
4	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	13	440.400.000
5	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	13	549.000.000
6	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	13	543.140.000
7	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	13	377.020.000
8	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	13	628.260.000
9	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	13	225.420.000
10	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	13	141.000.000
11	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	13	641.220.000
12	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	13	151.230.000
13	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	13	188.180.000

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
14	Trường THCS Tân An	1027591	622	073	13	330.120.000
15	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	13	350.400.000
III	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					573.500.000
1	Trường TH&THCS Tiền Phong					
	Trung học cơ sở	1027578	622	073	13	39.140.000
2	Trường TH&THCS Cẩm La					
	Trung học cơ sở	1130336	622	073	13	73.980.000
3	Trường TH&THCS Sông Khoai					
	Trung học cơ sở	1130337	622	073	13	80.120.000
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân					
	Trung học cơ sở	1131212	622	073	13	71.760.000
5	Trường TH&THCS Phong Cốc					
	Trung học cơ sở	1133723	622	073	13	308.500.000